

Bản án số: 29/2025/HS-ST  
Ngày 25-9-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Tân,

Bà Đoàn Thị Tiên,

**- Thư ký phiên tòa:** Ông N2 Tất Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông N2 Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng (số 27 đường 1/4, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng) và tại điểm cầu thành phần Tòa án khu vực 4 (đường Trần Hoàn, phường Hải An, thành phố Hải Phòng) xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Đoàn Văn T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1964, tại Hải Phòng; nơi thường trú: phường N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đoàn Hồng N và bà Phùng Thị H; có vợ là N2 Thị V và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/02/2025; có mặt.

**Bị hại:**

1. Ông Đỗ Hữu N, sinh năm 1967 (đã chết)

2. Ông Bùi Đình N1, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

**- Người đại diện theo pháp luật của bị hại Đỗ Hữu N:**

1. Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn C, xã K, thành phố Hải Phòng; là vợ của bị hại N; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã K, thành phố Hải Phòng; là con gái của bị hại N; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Đỗ Hữu H2, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn C, xã K, thành phố Hải Phòng; là con trai của bị hại N; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/10/2024, bị cáo Đoàn Văn T và ông Đỗ Trọng N2 có kí Hợp đồng sửa chữa, cải tạo nhà ở để sửa chữa căn nhà ở số 288 Văn Cao, phường Hải An, thành phố Hải Phòng của ông N2. Tại thoả thuận này các bên đã thống nhất ông N2 bàn giao toàn bộ ngôi nhà cho bị cáo T thi công, sau khi bàn giao bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong quá trình thi công.

Để thực hiện được công việc cải tạo, sửa chữa nói trên, bị cáo có thoả thuận miệng để thuê ông Đỗ Hữu N và ông Bùi Đình N1 đều là thợ xây để sửa chữa căn nhà. Sáng ngày 18/10/2024, bị cáo và ông N, ông N1 tập kết nguyên vật liệu xây dựng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo chỉ đạo và trực tiếp cùng ông N, ông N1 đặt một số tấm gỗ cốp pha vắt ngang ô thoáng ở mặt sàn tầng 4 nhìn xuống hồ chờ thang máy tầng 1, sau đó đặt máy tời lên trên mặt sàn cốp pha để đưa vật tư từ tầng 1 lên để phục vụ cho việc sửa chữa phòng thờ tại tầng 5. Sau đó, bị cáo đi xuống tầng 1, còn các bị hại tiếp tục bê một số bao cát đề lên chân máy tời thì tấm cốp pha bị gãy khiến cả hai bị rơi ngã từ ô thoáng ở mặt sàn tầng 4 xuống hồ chờ thang máy ở khu vực tầng 1. Hậu quả ông N chết, ông N1 bị thương.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 3265/KL-KTHS ngày 30/10/2024 của Phòng KTHS - Công an TP Hải Phòng, kết luận: Ông Đỗ Hữu N bị vỡ phức tạp xương hộp sọ, dập nát tổ chức não, vỡ xương gò má phải. Gãy xương đòn phải, xương ức và nhiều xương sườn hai bên lồng ngực. Nguyên nhân chết của nạn nhân do đa chấn thương. Các thương tích trên nạn nhân có đặc điểm hình thành do vật tày tác động theo cơ chế va đập, cọ sát.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể người sống số 928/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 12/12/2024 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận về thương tích của ông Bùi Đình N1: Chấn động não nhưng không có tổn thương thực thể ở sọ não. Đã được điều trị ổn định. Vết xây xước da vùng thái dương đỉnh phải để lại sẹo nhỏ. Xếp 03 thân đốt sống thắt lưng không liệt tuỷ L1, L2 và L3. Gãy móm ngang 02 thân đốt sống thắt lưng bên trái L1 và L2. Vỡ xương gót chân trái còn ảnh hưởng ít đến đi lại. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là

53%.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn là nhà số 288 đường Văn Cao, phường Hải An, thành phố Hải Phòng, có 05 tầng, đang trong quá trình cải tạo, sửa chữa, phía Bắc giáp nhà số 286 Văn Cao, phía Nam giáp ngõ đi chung, phía Đông là vỉa hè và đường Văn Cao, phía Tây giáp nhà số 2A.

Tầng 1 có kích thước 14 x 6,5m, trần cao 3m. Sát tường phía Nam, cách góc nhà phía Đông Nam 05m có 01 hố sâu kích thước 2,6 x 2,5m, thấp hơn so với nền tầng 1 trung bình 1m. Tại góc phía Đông Nam của hố này có 02 bao cát đựng trong vỏ bao xi măng tập trung trong diện 0,9 x 0,7m, xung quanh diện này và trên thành hố phía Nam, phía Đông có đám tạp chất màu nâu đỏ bám dính rải rác trong diện 1 x 0,9m. Tại góc phía Tây Bắc có 01 bao cát đựng trong vỏ bao xi măng trong diện 0,5 x 0,5m, xung quanh diện này và trên thành hố phía Tây, phía Bắc có đám tạp chất màu nâu đỏ bám dính rải rác trong diện 1,1 x 1,9 x 1m. Sát mép phía Bắc hố này kê 04 đoạn gỗ ở phía dưới, mỗi đoạn trung bình dài 3m, đường kính lớn N1 0,06m, đường kính nhỏ N1 0,04m. Phía trên 4 đoạn gỗ này có 05 tấm gỗ cốp pha tạo thành một lối đi từ đầu phía Đông sang đầu phía Tây của hố trong diện 3 x 0,6m, kích thước lần lượt các tấm là 2,01 x 0,13; 1,94 x 0,14m; 1,9 x 0,16m; 1,85 x 0,25m; 1,72 x 0,15m, mỗi tấm có độ dày trung bình là 2,5cm, hiện tại trên các tấm gỗ cốp pha này bị gãy vỡ một phần rơi rụng trên nền hố. Trên nền tầng 1 tương ứng góc phía Tây Bắc hố có 04 tấm gỗ cốp pha và 01 đoạn gỗ tập trung trong diện 2 x 1,1m, tâm diện cách tường phía Nam 2,4m, cách tường phía Đông 8,5m. Trong đó đoạn gỗ có kích thước 2 x 0,13 x 0,05m, một đầu bị gãy vỡ nham nhở. Trên nền góc phía Tây Bắc có 01 máy tời điện xây dựng kích thước 0,7 x 0,5 x 0,36m, cách tường phía Bắc 05m, cách tường phía Tây 01m. Phần chân đế cấu tạo bằng các thanh kim loại hình chữ L. Tại góc phía trước bên trái của hộp điện có dính tạp chất màu đỏ, một phần dính trên dây điện màu vàng và bề mặt động cơ điện.

Từ tầng 2 đến tầng 5 tương ứng phía trên hố mô tả tại tầng 1 là khoảng không giếng trời kích thước 2,2 x 1,6m.

Tại vị trí khoảng không tầng 4 có 02 đoạn gỗ ở sát đầu phía Đông của khoảng không giếng trời, một đầu của hai đoạn gỗ kê vào ô thoáng đầu phía Nam cách nhau 0,2m, đầu còn lại nằm tại hành lang chung giữa hai phòng của tầng, mở rộng hình chữ V, cách nhau 1,06m. Từ hành lang xuống đến nền hố tầng 1 cao 11m. Trên nền hành lang tầng 4 có 06 viên gạch chỉ màu đỏ, 02 búa cầm tay, 02 bao cát đựng trong vỏ bao xi măng và một số đoạn dây thép.

Tại tầng 5 khoảng không giếng trời có lắp đặt 01 giá treo được ghép cố định từ các đoạn gỗ, các tấm cốp pha, trên đoạn gỗ có treo 01 móc treo màu đỏ. Từ hành lang tầng 5 xuống nền hố tầng 1 cao 14,3m.

Tại kết luận giám định số 3714/KL-KTHS ngày 12/12/2024 của Phòng KTHS

Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 03 mẫu tạp chất màu nâu đỏ thu tại hiện trường là máu của ông Đỗ Hữu N.

Tại Bản kết luận giám định số 2599/PY-XNĐH ngày 18/11/2024 của Viện Pháp y Quân đội Cục Quân y kết luận: Không tìm thấy Ethanol và các chất ma túy trong mẫu máu của ông Đỗ Hữu N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại ông N là 215.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại sức khỏe cho ông N1 là 35.000.000 đồng. Bị hại N1 và gia đình bị hại N không yêu cầu bồi thường.

Bản Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 03/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng truy tố bị cáo về tội Vi phạm Quy định về an toàn lao động theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại cơ quan điều tra ông N1 khai nhận toàn bộ nội dung đúng như trên, ông cho biết bị cáo T là người trực tiếp thuê, chỉ đạo và giám sát ông và ông N để sửa chữa nhà số 288 Văn Cao, Hải An, Hải Phòng. Trong quá trình thi công, bị cáo T không phổ biến nội quy, quy định về an toàn lao động cho ông và ông N, không trang bị thiết bị bảo hộ an toàn lao động khi ông và ông N làm việc trên cao tại khu vực tầng 4 của toà nhà. Khi xảy ra tai nạn, bị cáo đã trực tiếp đưa ông và ông N đi cấp cứu, đồng thời đã bồi thường thiệt hại sức khỏe cho ông nên ông đề nghị miễn, giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 15 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 42 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát; bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật và rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, phù hợp với Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó xác định, khoảng 10 giờ ngày 18/10/2024 tại nhà số 288 đường Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận Hải An (nay là phường Hải An), thành phố Hải Phòng. Bị cáo T chỉ đạo và trực tiếp cùng ông Đỗ Hữu N, ông Bùi Đình N1 đặt một số tấm gỗ cốp pha vắt ngang ô thoáng ở mặt sàn tầng 4 nhìn xuống hồ chờ thang máy tầng 1 (có độ cao 11m), sau đó đặt máy tời lên trên mặt sàn cốp pha để đưa vật tư từ tầng 1 lên để phục vụ cho việc sửa chữa căn nhà nhưng không tổ chức huấn luyện cho người lao động và không thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho ông N và ông N1. Khi ông N và ông N1 bê bao cát đè chân máy tời thì cốp pha bị gãy khiến ông N và ông N1 bị rơi ngã từ ô thoáng ở mặt sàn tầng 4 xuống hồ chờ thang máy khu vực tầng 1. Hậu quả ông N chết, ông N1 bị tổn thương cơ thể 53%.

[3] Tại điểm b khoản 2 Điều 7 Luật An toàn, vệ sinh lao động có nêu người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

....

*b. Tổ chức, huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động...”*

Tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động quy định:

*2. Người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm các công việc này.*

*3. Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động phải được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và được cấp thẻ an toàn”*

Tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng QCVN 18:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021

của Bộ Xây dựng quy định:

*“2.1.5. Ngăn ngừa người bị rơi, ngã:*

*2.1.5.1. Phải lắp đặt lan can an toàn và tấm chắn chân ngăn ngừa người bị rơi, ngã khi làm việc ở độ cao từ 2,0m trở lên (so với mặt đất, mặt sàn), trên mái nhà, mặt dốc, mái dốc hoặc ngã xuống hố, lỗ.*

*2.1.5.2. Trong trường hợp không thể lắp đặt lan can an toàn, phải thực hiện một trong các biện pháp sau:*

*a) Lắp đặt và duy trì lưới hoặc sàn đỡ an toàn,*

*b) Người lao động phải sử dụng dây an toàn và dây cứu sinh”.*

[4] Bị cáo là người thuê, bố trí người lao động làm việc tại khu vực trên hồ chờ thang máy của tầng 4 toà nhà, cao so với mặt sàn là 11m, nhưng bị cáo không tổ chức huấn luyện về an toàn lao động, không có các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình người lao động làm việc. Như vậy, bị cáo đã vi phạm các quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 7; khoản 2, 3 Điều 14 của Luật An toàn lao động, đồng thời vi phạm quy định tại tiết 2.1.5, tiểu mục 2.1, mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng QCVN 18:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ Xây dựng.

[5] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý, xâm phạm khách thể là trật tự công cộng và sức khỏe, tính mạng của người khác. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự.

[6] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả đối với bị hại và gia đình bị hại. Bị cáo đã có thời gian tham gia quân đội, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm **b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự**.

[9] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bên cạnh đó bị cáo còn là người cao tuổi. Hội đồng xét xử thấy không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người cao tuổi, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại N và bị hại N1, gia đình bị hại N và bị hại N1 không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về các vấn đề khác:

[12] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo 04 tấm gỗ cốp pha; 01 máy tời điện. Việc trả lại vật chứng cho chủ sở hữu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng là phù hợp với quy định pháp luật.

[13] Đối với ông Đỗ Trọng N2 chủ nhà số 288 Văn Cao, phường Hải An, thành phố Hải Phòng đã được UBND phường Đằng Lâm (cũ) cho phép sửa chữa căn nhà, khi kí hợp đồng để bị cáo thực hiện việc cải tạo, sửa chữa ngôi nhà ông N2 đã bàn giao toàn bộ ngôi nhà và thoả thuận bị cáo phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn lao động trong thời gian thi công, ông N2 không biết việc bị cáo cùng các bị hại lắp đặt máy tời ở khu vực ô thoáng tầng 4 nên không có căn cứ xử lý.

[14] Về án phí hình sự: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 60 của Bộ luật Hình sự,

- Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo đang cư trú để giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

*"1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.*

*2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.*

*3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.*

*4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách"*

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 32/2025/HSST-LCĐKNCT, ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng đối với bị cáo Đoàn Văn T.

Về án phí hình sự: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06, PC10);
- VKSND khu vực 4 - Hải Phòng;
- Phòng THA DS 4 - Hải Phòng;
- UBND phường Ngô Quyền, Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Như Quỳnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Như Quỳnh**

